

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09-4-2019

“V/v Chia tài sản sau khi ly hôn,”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Trung

2. Ông Hoàng Xuân Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Duẩn - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/02/2019 về “Chia tài sản sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/3/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1998; địa chỉ: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt

Ông Nguyễn K, sinh năm 1939; địa chỉ: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

- Ông Nguyễn K ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn T, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, ông T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/01/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 01/01/1994. Ngày 22/5/2008, anh H đã tự ý bỏ nhà đi không rõ tin tức, địa chỉ nên chị đã yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích sau đó xin ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử cho ly hôn anh Nguyễn Văn H. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ly hôn chị đã kê khai: vợ chồng chị có tạo dựng được khối tài sản chung là một ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên đất do bố mẹ chồng cho và vật dụng sinh hoạt gia đình. Đối với những lại tài sản này tại bản án số 54/2016/HNGĐ-ST ngày 17/8/2016 chị đã thống nhất giao cho bố chồng là ông Nguyễn K được quyền quản lý, sử dụng mà không yêu cầu phân chia. Do chị không hiểu biết nên đã không kê khai thửa đất mà chị đã mua được đó là thửa đất số 280, tờ bản đồ số 61 ở thôn P, xã Q có giá trị 120.000.000 đồng và thửa đất số 176, tờ bản đồ số 63 ở thôn T, xã Q có giá trị 180.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là 300.000.000 đồng. Nguyên vọng của chị T là được nhận 2/3 giá trị tài sản chung của vợ chồng là 200.000.000 đồng và giao cho con trai Nguyễn Anh T quản lý giá trị tài sản chung của anh H được chia là 100.000.000 đồng. Ngoài ra vợ chồng không vay nợ của ai, cũng như không cho ai vay nợ của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Anh T trình bày: Bố anh là ông Nguyễn Văn H đã bỏ nhà đi vào năm 2008 cho đến nay không rõ tin tức, địa chỉ. Mẹ anh là bà Nguyễn Thị T sau đó yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích, đã làm đơn xin ly hôn và đã được Tòa án giải quyết theo quy định. Đối với tài sản chung của bố mẹ là ngôi nhà cấp 4 và vật dụng sinh hoạt gia đình, giữa mẹ và gia đình đã thống nhất giao cho ông nội Nguyễn K quản lý, sử dụng mà không yêu cầu phân chia. Đối với thửa đất số 280, tờ bản đồ số 61 ở thôn P, xã Q và thửa đất số 176, tờ bản đồ số 63 ở thôn T, xã Q thì anh thống nhất tổng giá trị hai thửa đất là 300.000.000 đồng như ý kiến của mẹ và bác T. Anh thống nhất giao lại cho mẹ được quyền sử dụng, quản lý 02 thửa đất trên và mẹ giao lại cho bố Nguyễn Văn H số tiền 100.000.000 đồng và anh quản lý số tiền này cho bố.

- Tại biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp và hòa giải cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T trình bày: Do bố ông là Nguyễn K đã già yếu, đi lại khó khăn nên

gia đình và ông K đã ủy quyền cho ông tham gia tố tụng tại Tòa án. Em trai ông là Nguyễn Văn H đã kết hôn với chị Nguyễn Thị T vào năm 1994, đến năm 2008 em trai đã bỏ nhà đi cho đến nay không rõ tin tức, địa chỉ gì. Chị T đã làm đơn yêu cầu tuyên bố một người mất tích sau đó xin ly hôn và được Tòa án giải quyết theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng em H có tạo dựng được khối tài sản chung là một ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên đất do bố mẹ chồng cho và vật dụng sinh hoạt gia đình và đã thống nhất đối với tài sản chung này giao cho bố chồng là ông Nguyễn K quản lý, sử dụng mà không yêu cầu phân chia.

Đối với thửa đất số 280, tờ bản đồ số 61 ở thôn P, xã Q và thửa đất số 176, tờ bản đồ số 63 ở thôn T, xã Q, ông T cũng thống nhất cùng ý kiến với chị T tổng giá trị hai thửa đất là 300.000.000 đồng. Ông T theo ủy quyền của bố anh là đại diện cho gia đình, thống nhất giao lại cho chị T được quyền sử dụng, quản lý 02 thửa đất trên và thống nhất chị T giao lại cho Nguyễn Văn H số tiền 100.000.000 đồng và số tiền này do cháu Nguyễn Anh T quản lý.

Đại diện VKSND huyện Quảng Trạch phát biểu quan điểm:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân theo pháp luật tố tụng. Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch không có kiến nghị đối với vụ án này.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 69 của Bộ luật dân sự; Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Giao thửa đất số 280, tờ bản đồ số 61 ở thôn P, xã Q có giá trị 120.000.000 đồng và thửa đất số 176, tờ bản đồ số 63 ở thôn T, xã Q có giá trị 180.000.000 đồng cho chị T được quyền quản lý, sử dụng và chị T có trách nhiệm giao cho anh Nguyễn Anh T quản lý giá trị tài sản chung của anh Nguyễn Văn H được chia là 100.000.000 đồng. Buộc đương sự phải chịu tiền án phí chia tài sản để sung công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng giữa chị với anh Nguyễn Văn H sau khi ly hôn. Vì vậy, xác

định đây là tranh chấp về “chia tài sản sau khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H.

[2]. Về nội dung tranh chấp, yêu cầu của đương sự:

Theo yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, anh H đã tự ý bỏ nhà đi không rõ tin tức, địa chỉ nên chị T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh H mất tích theo Quyết định số 08/2014/QĐST-DS ngày 18/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch. Chị T sau đó xin ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch giải quyết ly hôn theo Bản án số 54/2016/HNGĐ-ST ngày 17/8/2016.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh H có tạo dựng được khối tài sản chung là một ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên đất do bố mẹ chồng cho cùng vật dụng sinh hoạt gia đình, thửa đất số 280, tờ bản đồ số 61 ở thôn P, xã Q có giá trị 120.000.000 đồng và thửa đất số 176, tờ bản đồ số 63 ở thôn T, xã Q có giá trị 180.000.000 đồng.

Đối với ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên đất do bố mẹ chồng cho cùng vật dụng sinh hoạt gia đình chị T đã thống nhất giao cho bố chồng là ông Nguyễn K được toàn quyền quản lý, sử dụng mà không yêu cầu phân chia. Đối với loại tài sản này đã được giải quyết tại bản án số 54/2016/HNGĐ-ST ngày 17/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, giữa chị T, anh T và ông T đã thống nhất thỏa thuận thửa đất số 280, tờ bản đồ số 61 ở thôn P, xã Q có giá trị 120.000 đồng và thửa đất số 176, tờ bản đồ số 63 ở thôn T, xã Q có giá trị 180.000.000 đồng. Tổng giá trị hai thửa đất là 300.000.000 đồng. Các bên đương sự đã thống nhất chị T được nhận 2/3 giá trị tài sản chung của vợ chồng là 200.000.000 đồng và giao cho con trai Nguyễn Anh T quản lý giá trị tài sản chung của anh H được chia là 100.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời kỳ hôn nhân chị T, anh H đã tạo dựng được khối tài sản chung như chị T đã trình bày và qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q là đúng thực tế. Về nguyên tắc tài sản chung của vợ chồng được chia trên cơ sở bình đẳng, có xem xét đến công sức đóng góp của mỗi bên, tuy nhiên anh Nguyễn Văn H đã bỏ nhà đi từ năm 2008. Qua kết quả xác minh tại Ủy ban

nhân dân xã Q thể hiện thửa đất số 280, tờ bản đồ số 61 ở thôn P, xã Q được cấp năm 2011 và thửa đất số 176, tờ bản đồ số 63 ở thôn T, xã Q được cấp năm 2017. Như vậy 02 thửa đất này đều được tạo lập sau thời gian anh H đã bỏ đi. Vì vậy khi phân chia có xem xét đến công sức đóng góp cho khối tài sản chung, vì vậy chị T phải được hưởng phần nhiều hơn so với anh H là phù hợp. Mặt khác, ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cũng đã thống nhất, giao cho chị T quản lý, sử dụng hai thửa đất này có giá trị tổng cộng 300.000.000 đồng và nhất trí cho chị T được hưởng 2/3 giá trị tài sản chung tương ứng số tiền 200.000.000 đồng. Chị T phải có trách nhiệm giao lại cho con trai là Nguyễn Anh T quản lý giá trị tài sản chung của anh Nguyễn Văn H được chia là 100.000.000 đồng.

Như vậy, xét yêu cầu phân chia tài sản chung của chị T là hoàn toàn phù hợp và chính đáng, phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 59, 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 69 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn. Giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền quản lý, sử dụng:

- Thửa đất số 280, tờ bản đồ số 61, diện tích 200.7m² ở thôn P, xã Q, có giá trị 120.000.000 đồng, tứ cạnh được xác định: Phía Đông tiếp giáp thửa đất số 281 của ông Nguyễn Văn H; phía Tây tiếp giáp thửa đất số 279 của bà Nguyễn Thị T; phía Nam tiếp giáp đất do UBND xã Quảng Phú quản lý; phía Bắc tiếp giáp đường giao thông;

- Thửa đất số 176, tờ bản đồ số 63, diện tích 225,1m² ở thôn T, xã Q, có giá trị 180.000.000 đồng, tứ cạnh được xác định: Phía Đông tiếp giáp thửa đất số 177 của ông Phạm Chí C; phía Tây tiếp giáp thửa đất số 178 của bà Huỳnh Thị Kim H; phía Nam tiếp giáp đường giao thông; phía Bắc tiếp giáp thửa đất số 177 của ông Phạm Chí C. Tổng cộng hai thửa đất có giá trị là 300.000.000 đồng; chị T được hưởng 2/3 giá trị tài sản chung tương ứng số tiền 200.000.000 đồng. Chị T phải giao lại cho con trai Nguyễn Anh T quản lý giá trị tài sản chung của anh Nguyễn Văn H được chia là 100.000.000 đồng.

[3] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí tương ứng với giá trị phân tài sản được chia theo quy định của pháp luật. Chị T phải nộp số tiền 10.000.000 đồng và anh H phải nộp số tiền 5.000.000 đồng để sung vào công quỹ nhà nước. Xét chị T có đơn xin giảm án phí, đơn trình bày có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và đơn đã có xác nhận của UBND xã Q nên áp dụng Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giảm 50% mức án phí mà chị T phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 59, 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 69 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 13; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị T, xử:

1.1. Giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 280, tờ bản đồ số 61, diện tích 200.7m² ở thôn P, xã Q, có giá trị 120.000.000 đồng, tứ cạnh được xác định: Phía Đông tiếp giáp thửa đất số 281 của ông Nguyễn Văn H; phía Tây tiếp giáp thửa đất số 279 của bà Nguyễn Thị T; phía Nam tiếp giáp đất do UBND xã Q quản lý; phía Bắc tiếp giáp đường giao thông và thửa đất số 176, tờ bản đồ số 63, diện tích 225,1m² ở thôn T, xã Q, có giá trị 180.000.000 đồng, tứ cạnh được xác định: Phía Đông tiếp giáp thửa đất số 177 của ông Phạm Chí C; phía Tây tiếp giáp thửa đất số 178 của bà Huỳnh Thị Kim H; phía Nam tiếp giáp đường giao thông; phía Bắc tiếp giáp thửa đất số 177 của ông Phạm Chí C. Chị T được hưởng 2/3 giá trị tài sản chung tương ứng số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

1.2. Buộc chị Nguyễn Thị T phải giao lại cho con trai Nguyễn Anh T quản lý giá trị tài sản chung của anh Nguyễn Văn H được chia số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp sung vào công quỹ nhà nước. Số tiền án phí chị T phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0001196 ngày 31/01/2019. Chị T còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 4.700.000 đồng (bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

2.1. Buộc anh Nguyễn Văn H phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/4/2019). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương